

**TOÀ ÁN ND HUYỆN YTH
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 10/12/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hải Đăng.

Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 10/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1989, (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: MTr, xã TT, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn PhB, xã SM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1983, (Vắng mặt).

Địa chỉ: MTr, xã TT, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Đặng Thị H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện YTh vào ngày 02/3/2009 và được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D1 làm dâu, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng hơn 1 năm trở lại đây, giữa chị và anh D1 thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng trong mọi

mặt cuộc sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hiện nay, chị và anh D1 đã ly thân, sau khi ly thân chị đã chuyển về Thôn PhB, xã SM, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ở không còn quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm. Nay bản thân chị xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với anh D1, đề nghị Tòa án nhân dân huyện YTh giải quyết cho chị được ly hôn anh D1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B1, sinh ngày 30/7/2010. Hiện nay cháu đang ở cùng anh D1 và đang theo học lớp 5A1, trường Tiểu học xã TT, YTh, Bắc Giang. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu B1, nếu cháu muốn ở cùng bố (tức anh D1), anh D1 đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu thì chị đồng ý để anh D1 nuôi dưỡng cháu B1. Trường hợp cháu B1 muốn ở cùng chị thì chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu. Hiện nay chị đang kinh doanh quần áo thời trang, thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn D1 trình bày: Việc kết hôn, con chung như chị H1 trình bày là đúng. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 03 tháng gần đây vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, vẫn còn tình cảm với chị H1 nên anh không đồng ý ly hôn với chị H1. Trường hợp Tòa án xử ly hôn thì anh D1 có nguyện vọng được nuôi cháu B1. Về vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2020 với ông Hoàng Ngọc H2 là trưởng bản MTr, xã TT, huyện YTh cho biết: Anh D1, chị H1 là công dân của bản MTr, xã TT, huyện YTh. Anh D1 và chị H1 kết hôn với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh D1 và chị H1 sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 09/2020 cho đến nay thì chị H1 đã không còn sinh sống tại gia đình anh D1. Việc mâu thuẫn giữa chị H1 và anh D1 cụ thể như thế nào thì ông không nắm được. Gia đình anh D1 có nói là chị H1 đã bỏ về thành phố Bắc Giang sinh sống từ đó tới nay, thỉnh thoảng địa phương có thấy chị H1 về qua nhà anh D1 chốc lát rồi đi luôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2020 với bà Đoàn Thị T1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D1 cho biết: Vào tháng 3 năm 2009 anh D1 kết hôn với chị H1 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng được gia đình can ngăn thì không xô xát nữa. Tuy nhiên gần đây lại xảy ra cãi nhau, nguyên nhân của mâu thuẫn thì gia đình không nắm được. Từ đầu tháng 9 năm 2020 thì chị H1 đã chuyển về xã SM, thành phố Bắc Giang sinh sống. Anh D1 cùng con vẫn sinh sống cùng gia đình tôi, thỉnh thoảng chị H1 có về qua nhà thăm con rồi đi luôn. Gia đình hai bên đã khuyên bảo hòa giải cho anh D1, chị H1 nhưng không có kết quả. Nay chị H1 xin ly hôn anh D1 thì gia đình không có ý kiến gì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Đặng Thị H1 trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D1. Về con chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Bảo và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và phần tài sản chung của hai vợ chồng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị H1, cho chị H1 ly hôn anh Nguyễn Văn D1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 30/7/2010 cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị H1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H1 thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Đặng Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tổ tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Đặng Thị H1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D1 có địa chỉ tại xã TT, huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị H1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án nhân dân huyện YTh áp dụng khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay anh D1 vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D1.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh Nguyễn Văn D1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TT vào ngày 02/3/2009 và được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị H1 về nhà anh D1 làm dâu, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng hơn 1 năm trở lại đây, giữa chị và anh D1 thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng trong mọi mặt cuộc sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hiện nay chị H1 và anh D1 đã ly thân, sau khi ly thân chị H1 đã chuyển về Thôn PhB, xã SM, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ở không còn quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm. Nay bản thân chị H1 xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng với anh D1, đề nghị Tòa án nhân dân huyện YTh giải quyết cho chị Hương được ly hôn anh D1. Tại biên bản lấy lời khai đối với anh D1 cho rằng: Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh D1 cũng thừa nhận hai vợ chồng thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh D1 cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng và anh không đồng ý ly hôn với chị H1.

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, các biên bản xác minh. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H1 và anh

D1 đến nay đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị H1 được ly hôn anh D1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B1, sinh ngày 30/7/2010; Hiện nay cháu B1 đang đi học tại trường tiểu học xã TT và ở cùng với anh D1. Hội đồng xét xử thấy: Cháu B1 hiện đang ở ổn định với anh D1, cháu vẫn được anh D1 nuôi ăn học và phát triển khỏe mạnh bình thường. Ngoài ra, cháu B1 có nguyện vọng được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy anh D1 đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên cần giao cho anh D1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp và có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H1, anh D1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Văn D1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 30/7/2010. Sau khi ly hôn chị H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H1 thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Chị H1 không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002439 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng